

Bản án số: 754/2018/DS-PT

Ngày: 17/8/2018

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Đức Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Uông Văn Tuấn

Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyện – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 8 và 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2018/TLPT- DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2818/2018/QĐ – PT ngày 27/6/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 5644/2018/QĐ – PT ngày 25/7/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3247/2018/QĐ – PT ngày 25/7/2018 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh L, sinh năm 1968

Địa chỉ: 16/41/16 N, phường H, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Bá L1, sinh năm 1978

Địa chỉ: 692/21/10/2 Đ, phường MS, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị Mỹ Đ, sinh năm 1947

Địa chỉ: 333/6/17 L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Chánh H, sinh năm 1956

Địa chỉ: B156/9 N, phường MT, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ là Luật sư Đinh Thị Huyền K – Thuộc Công ty Luật TNHH Một thành viên C (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 330 N, ấp M, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung N – Phó Chánh Thanh tra huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Phan Văn Đ1, sinh năm 1961

3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: 300/9, ấp M. xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

4. Ông Phạm Thanh H1, sinh năm 1967

Địa chỉ: 39C N, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Bà Dương Thị C, sinh năm 1954

6. Bà Tôn Nữ Ngọc L2, sinh năm 1932

7. Bà Nguyễn Bảo N, sinh năm 1973

8. Bà Nguyễn Minh N1, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: 333/6/17 Đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà C, bà L2, bà Bảo N và bà Minh N1 là ông Vương Chánh H, sinh năm 1956

Địa chỉ: B156/9 N, phường MT, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nộp ngày 17/02/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Thanh L do đại diện ủy quyền là ông Trần Bá L1 trình bày:

Vào ngày 01/5/1993, ông Đỗ Thanh L có nhận chuyển nhượng (bằng giấy tay, có xác nhận của ban ấp) quyền sử dụng đất diện tích 5.531m², thửa số 268, tờ bản đồ số 06, xã H, huyện N của ông Phan Văn Đ1, bà Nguyễn Thị B với giá 24 chỉ vàng 96% (tương đương 9.600.000 đ). Ông Đ1, bà B đã nhận đủ tiền và giao cho ông L bản chính Giấy chứng nhận tạm thời số 648/UB/CNRĐ ngày 12/9/1992 (gọi là “giấy xanh”). Do vào thời điểm đó tại huyện N chưa có chính sách cho người ở ngoài huyện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông L có nhờ bà Hoàng Thị Mỹ Đ là luật sư am hiểu pháp luật đứng tên dùm.

Đến năm 2000 ông L phát hiện bà Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02699 QSDĐ/H-UBND ngày 05/4/2000 nên có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã H, sau đó khởi kiện tại TAND huyện N vào năm 2012. Việc khởi kiện không đạt được kết quả như ông L mong muốn vì Tòa án đình chỉ trả đơn do nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nay ông L khởi kiện lại yêu cầu bà Đ trả lại quyền sử dụng thửa 268

và yêu cầu Tòa án công nhận thửa 268 là của mình, đồng thời đến ngày 17/11/2017 ông L khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03258 do UBND huyện N cấp ngày 29/5/2014 cho ông Phạm Thanh H1 vì ông H1 là người mua lại đất của bà Đ.

- Bị đơn bà Hoàng Thị Mỹ Đ do đại diện ủy quyền là ông Vương Chánh H trình bày :

Vào khoảng năm 1989 giữa ông L và con gái của bà Đ có mối quan hệ tình cảm. Thời điểm này, ông L đang làm việc tại huyện N và có biết đất đai ở N đang bán giá rất rẻ nên ông L nói bà Đ bỏ tiền mua đất. Bà Đ nhờ ông L mua giùm 02 thửa đất là thửa 268 và thửa liền kề 269, tờ bản đồ số 6, xã H, huyện N. Đối với thửa 269 là mua của bà Nguyễn Thị A (diện tích 3.244m², phần này các đương sự không tranh chấp). Bà Đ đã giao cho ông L tổng cộng 07 lượng vàng để mua 02 thửa đất nói trên (thửa 268 mua khoảng 4,5 lượng, thửa 269 là 2,5 lượng). Việc nhờ ông L mua dùm không lập thành văn bản.

Sau đó chuyện tình cảm giữa ông L và con gái bà Đ (chị Bảo N) không được thuận lợi nên bà Đ có yêu cầu ông L giao toàn bộ giấy tờ mua thửa 268 cho bà Đ để hợp thức hóa nhưng ông L không hợp tác. Phía bà Đ đã liên hệ với Ủy ban nhân dân xã H để được hướng dẫn làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND xã mời Ông Đ1, bà B lên để xác minh, sau đó cấp giấy chứng nhận cho bà Đ.

Tuy nhiên, sau khi cấp giấy chứng nhận thửa 268 diện tích 5.531m² cho bà Đ thì UBND huyện N phát hiện có sai sót do cấp chồng lấn một phần diện tích nên đã thu hồi và điều chỉnh lại giấy chứng nhận số 01157 diện tích 4.972m² thuộc thửa 128 (thửa cũ là 268). Mặc dù việc này có thiệt hại cho phía bà Đ nhưng do không muốn kéo dài vì phải chờ kết quả giải quyết tranh chấp nên bà Đ cũng chấp nhận và không khiếu nại. Hiện nay bà Đ đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất này cho ông Phạm Thanh H1, do đó bà Đ không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ1, bà Nguyễn Thị B trình bày :

Ông Đ1, bà B khẳng định chỉ chuyển nhượng thửa 268 cho ông L với giá 24 chỉ vàng vào ngày 01/5/1993, ông bà đã nhận đủ vàng và giao đất cho ông L. Ông bà không biết bà Hoàng Thị Mỹ Đ là ai. Lúc lập giấy tay bán đất cho ông L, ông bà giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời số 648/UB/CNRĐ ngày 12/9/1992 (giấy xanh) mà không biết đó không phải giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 268. Ý kiến của ông bà đề nghị Tòa án xem xét công nhận quyền sử dụng đất cho ông L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh H1 trình bày ;

Ngày 23/4/2014 ông H1 nhận chuyển nhượng thửa 268 từ hộ bà Đ gồm bà Hoàng Thị Mỹ Đ, bà Tôn Nữ Ngọc L2, bà Dương Thị C, Bà Nguyễn Bảo N và bà Nguyễn Minh N1. Hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện đúng trình tự thủ tục luật quy định, hiện nay ông đã được UBND huyện N cấp giấy chứng

nhận số CH03258 ngày 29/5/2014. Do đó ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L và yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : bà Tôn Nữ Ngọc L2, Dương Thị C, Nguyễn Bảo N và bà Nguyễn Minh N1 do ông Vương Chánh H đại diện ủy quyền: Thống nhất với trình bày của bà Hoàng Thị Mỹ Đ và không bổ sung hay yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện N nêu ý kiến :

Việc UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03258 ngày 29/5/2014 cho ông Phạm Thanh H1 là đảm bảo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. UBND huyện N không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt.

Bản án sơ thẩm đã tuyên:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh L về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.531m² (nay còn 4.972m²) thuộc thửa 268 (nay là thửa 128) tờ bản đồ số 6, xã H, huyện N và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03258 do UBND huyện N cấp cho ông Phạm Thanh H1 ngày 29/5/2014.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí và quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2018 Nguyên đơn - ông Đỗ Thanh L nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Người kháng cáo – ông Đỗ Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện ủy quyền nguyên đơn nêu yêu cầu kháng cáo: Đề nghị xác định 4.972m² đất thuộc thửa 268 tờ bản đồ số 06 tại xã H, huyện N là của ông L. Đề nghị xác định lại quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Hoàng Thị Mỹ Đ, cụ thể là tại đơn đăng ký sử dụng đất bà Đ khai như thế nào.

Đại diện ủy quyền của bị đơn: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xác định đất tranh chấp có nguồn gốc thuộc Ông Đ1 và bà B do ông L là người mua nhưng mua giùm bà Đ. Vì quan hệ thân thiết nên không ghi giấy tờ để chứng minh. Do là nhờ mua nên bà Đ đã nhận đất từ năm 1993 đồng thời nguyên đơn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bà Đ sử dụng đất từ năm 1993 và không có ai tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xuất trình bản chính giấy tay mua bán đất 1/5/1993 để Tòa án đối chiếu với bản photo có trong hồ sơ nên đại diện bị đơn đề nghị giám định màu mực và thời gian ký kết. Đề nghị làm rõ sự mâu thuẫn trong lời khai của nguyên đơn tại hai biên bản hòa giải về đất ở Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (năm 2012 và năm 2016).

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận đất tranh chấp là của nguyên đơn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H1, kèm theo đơn khởi kiện là các tài liệu chỉ là bản photo trong đó có Tờ chuyển nhượng đất ngày 1/5/1993, vì toàn bộ bản chính

trước đây giao cho Luật sư Trí để đi khởi kiện (vụ án này đã bị đình chỉ) nên đây không phải là chứng cứ. Mặc dù vậy, cấp sơ thẩm vẫn ghi đã đối chiếu bản chính là không đúng. Nguyên đơn lúc khai nhờ bà Đ đứng tên giùm, lúc khai nhờ bà Đ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có chứng cứ chứng minh. Do chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản photo, nếu là bản chính cũng là lập sau này và nguyên đơn khai khi mua đất có nhận Giấy chứng nhận đất của Ông Đ1 bà B nhưng thực tế Giấy chứng nhận này là của thửa đất khác nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Đ là người quản lý sử dụng đất từ năm 1993 nên đề nghị y án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ1, bà Nguyễn Thị B giữ nguyên lời khai như tại toà án cấp sơ thẩm đồng thời xác nhận chữ ký của các đương sự tại hợp đồng mua bán đất ngày 1/5/1993 do nguyên đơn xuất trình. Các đương sự không có phương án hòa giải.

Wai diep Viep Kiem sat nhah dah Thanh phog Hof Chs Minh nhajp xet Chu toawa-Hoj wofig xet xl , w zng sl uwa {thl u hiepj wung cac qui wanh cua Boj luaj Togung dah sl u

Vefnoj dung: Đây là tranh chấp về đất, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng vì chấp nhận Biên bản hòa giải về đất tại xã H mà Biên bản này thành phần hòa giải thiếu hộ dân sống lâu năm tại địa phương.

Giấy tay mua bán ngày 1/5/1993 giữa nguyên đơn và Ông Đ1, bà B không phải là hợp đồng chính thức nhưng là chứng cứ chứng minh việc mua bán giữa người mua và chủ sở hữu hợp lệ vì mặc dù thời điểm này bà B Ông Đ1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng giao dịch này trước khi luật đất đai 1987 và đến năm 1994 Ông Đ1 và bà B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2000 Ủy ban nhân dân huyện N cấp đất cho bà Đ trong khi không có Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà B Ông Đ1 như vậy là sai, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá vấn đề này. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn là đúng mà chưa có cơ sở vững chắc như đã nhận định ở trên. Ngày 21/3/2001 bà Đáng và ông Ba mới nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như vậy đến thời điểm cấp đất cho bà Đ thì giấy chứng nhận cấp cho Ông Đ1 bà B vẫn tồn tại thể hiện một thửa đất cấp cho hai hộ dân là không đúng. Do vi phạm tố tụng và thu thập chứng cứ không đầy đủ nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Thanh L, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS – ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện cho Ủy ban nhân dân huyện N và ông Phạm Thanh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – ông Đỗ Thanh L yêu cầu Tòa án xem xét xác minh lại nguồn gốc 5531 m² đất thửa 268, tờ bản đồ số 06 xã H có phải là của ông Phan Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị B thường trú: 300/9, ấp 1, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; xác minh lại việc bà Hoàng Thị Mỹ Đ có giấy mua đất từ chủ sở hữu thửa 286, hợp pháp ban đầu diện tích 5531 m² thửa 268, tờ bản đồ số 06 tại xã H có phải; xem xét lại toàn bộ qui trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02699 cấp ngày 05/4/200; yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông với diện tích 5531 m², tờ bản đồ số 6, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03258 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Phạm Thanh H1 ngày 29/5/2014, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm trong phần tranh luận đại diện ủy quyền của bị đơn đã xác nhận chính nguyên đơn là người trực tiếp mua đất của Ông Đ1 và bà B nhưng do bà Đ nhờ nguyên đơn mua giùm mà không có giấy tờ cam kết giữa nguyên đơn và bị đơn về vấn đề trên do thời điểm này đôi bên có quan hệ thân thiết nên có cơ sở xác định nguyên đơn là người trực tiếp mua đất. Chứng minh cho việc bà Đ bỏ tiền mua đất đương sự nêu bà Đ nhận đất từ năm 1993 và có canh tác trên đất (trồng măng cầu), do đất không có tranh chấp nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định tại Thông tư số 346/1998/TT – TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính. Ngược lại nguyên đơn cho rằng chính nguyên đơn là người thuê thợ đắp bờ bao và có canh tác. Vấn đề này (ai là người sử dụng đất) cần được xác minh làm rõ. Cụ thể qua xem xét biên bản hòa giải của ủy ban nhân dân xã H, huyện N ngày 29/4/2016 (BL123) nhận thấy thành phần hòa giải thiếu đại diện một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã H, huyện N biết rõ nguồn gốc và qui trình sử dụng đất tranh chấp quy định tại Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ – CP. Mặt khác đại diện của nguyên đơn cũng đề nghị xem xét sự mâu thuẫn lời khai của nguyên đơn tại hai biên bản hòa giải này (Biên bản hòa giải này và biên bản năm 2012), do đó cần hòa giải lại để xác định chính xác. Đại diện bị đơn cho rằng đất cấp cho bà Đ tại thời điểm này không có tranh chấp vì chính chủ đất đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tạm) cho Ủy ban nhân dân xã H để cấp đất cho bà Đ, tại biên nhận có ghi “thu hồi diện tích đất 5531 m² để điều chỉnh” tức là điều chỉnh sang tên bà Đ. Bà B khai thời gian đã lâu không nhớ việc nộp Giấy chứng nhận này nhưng bà không tranh chấp vì nghĩ đã bán cho nguyên đơn rồi. Hội đồng xét xử nhận thấy cụm từ “thu hồi diện tích... để điều chỉnh” chưa rõ ràng (điều chỉnh diện tích hay điều chỉnh để giao đất cho ai) nên cần thiết phải xác minh làm rõ và xác minh qui trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn như yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Căn cứ kết quả xác minh này mới có cơ sở để xét yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H1 của nguyên đơn. Cụ thể: Cần xét có hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp

cho bị đơn hay không?. Có hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng Công chứng Sài Gòn chứng thực ngày 23/4/2014 hay không? Vì Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông H1 căn cứ vào việc bà Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng Công chứng Sài Gòn. Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận cấp cho bà Đ và hủy hợp đồng nêu trên (yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đ đã được nguyên đơn đề nghị - Bút lục 222).

Do đó, chấp nhận yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu kháng cáo của đại diện nguyên đơn. Các vấn đề khác mà đại diện Viện Kiểm sát nêu về việc Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ còn thiếu cũng như đề nghị của các bên tại phiên tòa sẽ được cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý lại theo trình tự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Thanh L không phải chịu hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Đỗ Thanh L theo biên lai thu tiền số AD/2014/0008890 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 228, Khoản 3 Điều 148, Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – ông Đỗ Thanh L; Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS – ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giao toàn bộ hồ sơ thụ lý số 245/2018/DS – PT ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” về lại Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Thanh L không phải chịu hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Đỗ Thanh L theo biên lai thu tiền số AD/2014/0008890 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hạnh